

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-02-2023

V/v “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đàm Kiến Dân;

2. Bà Đinh Thị Kim Phụng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 186/2022/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp GT, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

*** Bị đơn:** Anh **Huỳnh Minh Đ**, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số CC NVC, khu phố B, phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Chị Đ và anh Đ qua tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã GC theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 26/7/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ ghen tuông, xúc phạm chị Đ, không còn tình cảm. Nay tình cảm không còn nên chị Đ yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Chị Đ và anh Đ có 01 con chung tên Huỳnh Trần Minh Đ, sinh ngày 05/6/2020 hiện đang sống với chung với anh Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu

để cháu Đ cho anh Đ nuôi, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

* Bị đơn anh Đ mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ nhưng do anh Đ vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt anh Đ và không hòa giải vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc quan hệ “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Huỳnh Minh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ, anh Đ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình chung sống không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được.

Phía anh Đ đã được triệu tập họp lệ để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh Đ không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa chị Đ và anh Đ đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Đ và anh Đ có 01 con chung tên Huỳnh Trần Minh Đ, sinh ngày 05/6/2020 hiện đang sống với chung với anh Đ. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu để cháu Đ cho anh Đ nuôi, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Xét về điều kiện chăm sóc cháu Đ từ nhỏ đã được anh Đ chăm sóc. Để ổn định trong quá trình sinh hoạt, tại biên bản xác minh ngày 05/11/2022 chính quyền địa

phương xác định anh Đ có đủ điều kiện về kinh tế và chăm sóc con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao anh Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Ghi nhận chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc Đ được ly hôn với anh Huỳnh Minh Đ.

- Về con chung: Giao cho anh Huỳnh Minh Đ được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Trần Minh Đ, sinh ngày 05/6/2020; chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 02/2023. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí : Chị Trần Thị Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006991 ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Đ còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND phường B, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

LÊ THỊ HẰNG

